

Name:.....

1. Phân biệt 2 thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

	Hiện tại đơn (thói quen, quy luật, sở thích)	Hiện tại tiếp diễn (hành động đang diễn ra)
Câu trúc	<p>Động từ thường</p> <p>(+) I, you, we, they, số nhiều + V He, she, ít, số ít + Vs/es</p> <p>(-) I, you, we, they, số nhiều + DON'T + V He, she, ít, số ít + DOESN'T + V</p> <p>(?) DO/ DOES + S + V ? - Yes, S + do/does. - No, S + don't/doesn't.</p> <p>Động từ TO BE</p> <p>(+) S + am/is/are + tính từ, danh từ... (-) S + am/is/are NOT + tính từ, danh từ... (?) Am/Is/Are + S + tính từ, danh từ... - Yes, S + am/is/ are. - No, S + am/is/ are NOT.</p>	<p>(+) S + is/am/are + V_ing (-) S + is/am/are + NOT + V_ing (?) Am/Is/Are + S + V_ing ? - Yes, S + am/is/ are. - No, S + am/is/ are NOT</p>
Các trạng từ chỉ thời gian để nhận biết	Every day, every month, once a week, always, usually, often, sometimes, rarely, never	At present, at the moment, now, right now, Listen!, Look!

Bài 1. Chia động từ dưới đây ở Thì Hiện tại đơn hoặc Thì Hiện tại tiếp diễn

1. Listen! My mother (sing) _____ a song.
2. Every night, We (go) _____ to bed at 10p.m
3. Giang (like) _____ Music but I (like) _____ Math
4. Now, they (stay) _____ in Hue .
5. My father (read) _____ books in the evening.
6. Look! Ha (run) _____.

7. Trang usually (listen) _____ to the teacher in the class, but she (not listen) _____ now.

8. Where _____ your mother (be)?

-She (be) _____ bedroom. He (cook) _____ dinner.

9. _____ they (go) _____ to school by bus today?

10. There (be) _____ 3 pictures in the living room.

11. Everyday, my uncle (not go) _____ to work by car.

12. In the summer, I often (go) _____ swimming and (play) _____ basketball.

13. I (paint) _____ a picture now.

14. At 11.15 a.m every day, I (have) _____ lunch at school

15. On Monday, I (have) _____ English and Math.

16. On Friday, he (have) _____ English.

17. At the moment, I (drink) _____ orange juice and my sister (play) _____ games.

18. Now, He (look) _____ his cat. It (chase) _____ a mouse in the garden.

19. Phong, An, Ha, Lan (be) _____ in the dining room.

20. _____ your mother (walk) _____ to the garden now?

21. _____ Hai (work) _____ in the garden at the moment?

22. My brother (do) _____ his homework in his room now.

23. James and his brother (play) _____ soccer at the moment. They (play) _____ it every afternoon.

24. Where _____ the old man (live) _____ now?

25. There (be) _____ a dog in front of the house.

26. I (not be) _____ tired.